

Bản án số: 244/2018/HNGĐ-ST
Ngày 01 – 11 – 2018
V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Hải Dương

Ông Nguyễn Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 01 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 451/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 383/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 242/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Quang Đ, sinh năm 1987; cư trú tại: Ấp T, xã T1, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1991; cư trú tại: Ấp T, xã T1, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện của anh Lê Quang Đ thể hiện:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị L tự nguyện chung sống vào năm 2013 và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn vào ngày 05/3/2013. Khi về chung sống do bất đồng quan điểm nên phát sinh mâu

thuần và đã sống ly thân hơn 03 năm nay. Nay anh xác định không thể quay lại hàn gắn, chung sống trở lại nên yêu cầu được ly hôn với chị L.

Về con: Có 01 người con chung tên Lê Quang N do anh Đ đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Không có.

* *Đối với chị Nguyễn Thị L:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án đối với yêu cầu của anh Đ, nhưng chị L không có ý kiến gì và cũng không tham gia hòa giải, xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Lê Quang Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và chị Nguyễn Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị L là đúng quy định pháp luật.

[2] Anh Lê Quang Đ và chị L tự nguyện chung sống vào năm 2013 và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn vào ngày 05/3/2013. Theo anh Đ, khi về chung sống do bất đồng quan điểm nên phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân hơn 03 năm nay; từ nguyên nhân trên, anh Đ xác định không thể quay lại hàn gắn, chung sống trở lại nên yêu cầu được ly hôn với chị L. Đối với chị L không có ý kiến gì về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian ly thân và yêu cầu xin ly hôn của anh Đ.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Đ thấy rằng: Mặc dù anh Đ có yêu cầu ly hôn nhưng chị L không có ý kiến phản đối và không có thiện chí tham gia việc hòa giải, xét xử tại Tòa án; điều đó cho thấy, hôn nhân của anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho anh Đ ly hôn với chị L là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[4] Về con: Có 01 người con chung tên Lê Quang N. Khi ly hôn, anh Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con; chị L không có ý kiến gì về vấn đề này.

Thấy rằng, Quang N do anh Đ nuôi dưỡng từ khi anh, chị ly thân cho đến nay trong khi chị L không có ý kiến phản đối; do vậy, để ổn định trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nên giữ nguyên để anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do anh Đ không yêu cầu và chị L không có ý kiến gì khác nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản và nợ: Anh Đ xác định không có, chị L không có ý kiến gì về các vấn đề này nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh Đ phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các điều 71, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Quang Đ.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Đ được ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

- Về con chung: Giao Lê Quang N cho anh Đ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra. Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đ phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010300 ngày 12/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi (đã nộp xong).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- UBND thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.
-

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn